



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các
công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013
	0301445210	ngày 26 tháng 8 năm 2014
	0301445210	ngày 21 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diệu Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phương Ông Lê Nguyên Ngọc Ông Lê Thiết Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 19 tháng 4 năm 2017) Thành viên (đến ngày 19 tháng 4 năm 2017)
--------------------------	---	---

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Nguyên Ngọc Ông Nguyễn Quang Minh Ông Lê Thiết Hùng Ông Diệp Quốc Bình	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 6 năm 2017) Kế toán trưởng (đến ngày 31 tháng 12 năm 2017) Kế toán trưởng (từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)
--------------------------	--	---

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-143-h




Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		821.069.834.166	996.450.220.105
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	70.632.829.414	170.919.468.478
Tiền	111		40.005.235.665	74.419.468.478
Các khoản tương đương tiền	112		30.627.593.749	96.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		361.135.323.061	370.047.502.714
Phải thu của khách hàng	131	6(a,b)	348.000.847.947	343.661.658.969
Trả trước cho người bán	132		6.724.519.880	20.866.549.027
Phải thu khác	136	6(c)	6.683.622.991	5.990.862.148
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(273.667.757)	(471.567.430)
Hàng tồn kho	140	7	383.980.623.240	445.767.031.712
Hàng tồn kho	141		386.007.039.440	447.550.001.521
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.026.416.200)	(1.782.969.809)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.321.058.451	9.716.217.201
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		952.711.071	380.469.141
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.874.716.852	9.335.748.060
Thuế phải thu Nhà nước	153		493.630.528	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		736.228.959.446	791.366.821.150
Các khoản phải thu dài hạn	210		335.000.000	245.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		335.000.000	245.000.000
Tài sản cố định	220		644.415.591.072	712.826.980.804
Tài sản cố định hữu hình	221	8	644.273.924.411	712.635.314.145
Nguyên giá	222		1.508.124.862.919	1.482.582.665.534
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(863.850.938.508)	(769.947.351.389)
Tài sản cố định vô hình	227	9	141.666.661	191.666.659
Nguyên giá	228		1.139.772.808	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(998.106.147)	(948.106.149)
Bất động sản đầu tư	230	10	39.485.586.130	42.701.172.895
Nguyên giá	231		70.468.849.375	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(30.983.263.245)	(27.767.676.480)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.780.515.000	2.661.750.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	8.780.515.000	2.661.750.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	18.323.795.991	18.146.914.986
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		10.573.795.991	10.396.914.986
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.750.000.000	7.750.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		24.888.471.253	14.785.002.465
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	24.888.471.253	14.785.002.465
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.557.298.793.612	1.787.817.041.255

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		854.402.423.597	1.162.998.920.631
Nợ ngắn hạn	310		748.206.466.198	983.281.501.209
Phải trả người bán	311	14	92.545.208.209	138.332.218.754
Người mua trả tiền trước	312		3.748.149.309	6.034.706.058
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	10.588.722.554	7.694.733.336
Phải trả người lao động	314		41.806.109.621	57.862.357.084
Chi phí phải trả	315	16	1.733.144.097	11.222.883.677
Phải trả khác	319	17	3.975.690.738	61.347.835.271
Vay ngắn hạn	320	18(a)	583.053.592.972	693.121.727.592
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	10.755.848.698	7.665.039.437
Nợ dài hạn	330		106.195.957.399	179.717.419.422
Phải trả dài hạn khác	337		1.651.301.000	1.701.301.000
Vay dài hạn	338	18(b)	104.544.656.399	178.016.118.422
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		702.896.370.015	624.818.120.624
Vốn chủ sở hữu	410	20	702.896.370.015	624.818.120.624
Vốn cổ phần	411	21	210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư và phát triển	418	22	69.496.458.985	67.727.440.187
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		346.513.238.290	272.785.481.312
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		73.823.945.467	71.242.471.852
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.557.298.793.612	1.787.817.041.255

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	2.533.980.659.630	2.494.476.474.935
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	3.458.771.361	2.876.312.490
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	2.530.521.888.269	2.491.600.162.445
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	2.252.695.400.375	2.157.780.121.959
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		277.826.487.894	333.820.040.486
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	11.559.796.969	17.718.683.171
Chi phí tài chính	22	27	32.170.424.107	39.877.269.692
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>30.101.247.264</i>	<i>28.986.122.524</i>
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		176.881.005	1.487.994.434
Chi phí bán hàng	25	28	52.246.926.665	57.759.166.989
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	100.293.971.599	111.649.699.260
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		104.851.843.497	143.740.582.150
Thu nhập khác	31	30	8.126.287.788	10.202.195.411
Chi phí khác	32		70.082.674	4.362.348.823
Kết quả hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		8.056.205.114	5.839.846.588

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		112.908.048.611	149.580.428.738
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	22.584.058.365	30.781.500.680
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		90.323.990.246	118.798.928.058
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế thuộc các cổ đồng của công ty mẹ	61		86.966.712.846	110.780.777.254
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng không kiểm soát	62		3.357.277.400	8.018.150.804
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.727	5.120

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Người duyệt:





Diệp Quốc Bình
 Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Khiêm
 Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		112.908.048.611	149.580.428.738
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		115.207.486.109	114.353.202.298
Các khoản dự phòng	03		45.546.718	2.254.537.239
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(620.408.278)	(10.009.734)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(7.954.667.168)	(14.391.052.493)
Chi phí lãi vay	06		30.101.247.264	28.986.122.524
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		249.687.253.256	280.773.228.572
Biến động các khoản phải thu	09		14.888.843.748	(39.860.973.452)
Biến động hàng tồn kho	10		61.542.962.081	(18.751.409.628)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(72.180.152.465)	22.547.885.622
Biến động chi phí trả trước	12		(10.675.710.718)	1.581.141.364
			243.263.195.902	246.289.872.478
Tiền lãi vay đã trả	14		(29.914.675.315)	(28.986.122.524)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22.752.246.539)	(29.891.912.101)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.905.957.829)	(3.282.796.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		181.690.316.219	184.139.041.036

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(48.833.267.112)	(95.274.944.070)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.119.300.000	9.456.499.535
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(12.250.000.000)	(10.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		12.250.000.000	10.200.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	11.000.000.000
Tiền thu lãi lãi tiền gửi và cổ tức	27		5.231.248.401	1.584.050.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.482.718.711)	(73.234.393.635)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.715.893.022.261	1.688.061.076.807
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.898.808.761.532)	(1.630.686.317.640)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông	36		(52.724.765.000)	(41.829.668.625)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(4.852.643.700)	(2.387.092.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(240.493.147.971)	13.157.998.392

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(100.285.550.463)	124.062.645.793
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		170.919.468.478	46.130.688.595
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.088.601)	726.134.090
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	70.632.829.414	170.919.468.478

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Sau đây là danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Tên	Địa chỉ	31/12/2017 % sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2017 %
Công ty con trực tiếp			
Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	52,27%	52,27%
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	58,55%	58,55%
Công ty liên doanh, liên kết			
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 2.798 nhân viên (1/1/2017: 3.129 nhân viên).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được mô tả sau đây.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 9 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
-----------	------------

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì đáng kể được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày kết thúc việc bảo trì.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.639.803.383.702	1.750.882.749.385	890.718.504.567	740.717.413.060	2.530.521.888.269	2.491.600.162.445
Chi tiêu vốn	49.699.274.612	95.274.944.070	-	-	49.699.274.612	95.274.944.070
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản của bộ phận	1.557.298.793.612	1.787.817.041.255	-	-	1.557.298.793.612	1.787.817.041.255

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	781.557.074	880.888.517
Tiền gửi ngân hàng	39.223.678.591	73.538.579.961
Các khoản tương đương tiền	30.627.593.749	96.500.000.000
	70.632.829.414	170.919.468.478

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Supreme International LLC	28.395.768.750	74.703.762.226
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Quế Hương	14.968.047.390	23.396.805.934
Công ty TNHH Hyopshin	-	13.544.675.044
Các khách hàng khác	304.637.031.807	232.016.415.765
	348.000.847.947	343.661.658.969

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
<i>Công ty liên doanh</i>		
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I – công ty liên doanh	7.066.053.134	2.961.339.723
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	16.108.511.958	7.620.052.565
Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú	9.235.336.971	990.079.793
Công ty Cổ phần May Nhà Bè	450.788.250	556.087.620

Khoản thương mại phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng các khoản nợ khó đòi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	471.567.430	-
Tăng trong năm	-	471.567.430
Hoàn nhập	(197.899.673)	-
Số dư cuối năm	<u>273.667.757</u>	<u>471.567.430</u>

(c) Phải thu khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức và lợi nhuận được phân phối phải thu	4.783.074.442	3.790.823.000
Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan	14.287.564	149.445.288
Tạm ứng	279.221.679	295.991.897
Lãi tiền gửi phải thu	264.607.154	829.620.834
Phải thu khác	1.342.432.152	924.981.129
	<u>6.683.622.991</u>	<u>5.990.862.148</u>

Cổ tức và lợi nhuận được phân phối phải thu và phải thu khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo yêu cầu.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.075.836.391	-	40.078.641.009	-
Nguyên vật liệu	72.835.396.263	-	95.548.200.574	-
Công cụ và dụng cụ	93.488.677	-	92.183.028	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	61.697.230.939	-	52.473.847.148	-
Thành phẩm	227.399.784.841	2.026.416.200	241.256.217.409	1.782.969.809
Hàng hóa	509.004.097	-	917.073.370	-
Hàng gửi đi bán	17.396.298.232	-	17.183.838.983	-
	386.007.039.440	2.026.416.200	447.550.001.521	1.782.969.809

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 22.700 triệu VND (1/1/2017: 90.500 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.782.969.809	-
Tăng trong năm	243.446.391	1.782.969.809
Số dư cuối năm	2.026.416.200	1.782.969.809

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	208.612.270.406	1.262.114.679.459	11.189.177.305	666.538.364	1.482.582.665.534
Tăng trong năm	1.131.380.422	12.126.252.651	1.628.015.000	-	14.885.648.073
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.859.748.364	26.198.113.175	637.000.000	-	28.694.861.539
Thanh lý	-	(17.386.231.782)	(602.080.445)	(50.000.000)	(18.038.312.227)
Số dư cuối năm	211.603.399.192	1.283.052.813.503	12.852.111.860	616.538.364	1.508.124.862.919
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	107.794.992.051	653.214.131.506	8.404.400.586	533.827.246	769.947.351.389
Khấu hao trong năm	10.686.721.913	100.239.939.126	943.027.209	72.211.098	111.941.899.346
Thanh lý	-	(17.386.231.782)	(602.080.445)	(50.000.000)	(18.038.312.227)
Số dư cuối năm	118.481.713.964	736.067.838.850	8.745.347.350	556.038.344	863.850.938.508
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	100.817.278.355	608.900.547.953	2.784.776.719	132.711.118	712.635.314.145
Số dư cuối năm	93.121.685.228	546.984.974.653	4.106.764.510	60.500.020	644.273.924.411

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 354.627 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 329.096 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 402.797 triệu VND (1/1/2017: 485.622 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	948.106.149
Khấu hao trong năm	49.999.998
Số dư cuối năm	998.106.147
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	191.666.659
Số dư cuối năm	141.666.661

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 889 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 889 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	27.767.676.480
Khấu hao trong năm	3.215.586.765
Số dư cuối năm	30.983.263.245
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	42.701.172.895
Số dư cuối năm	39.485.586.130

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Bao gồm trong bất động sản đầu tư có các tài sản có nguyên giá 23.663 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	2.661.750.000	61.427.142.111
Tăng trong năm	34.813.626.539	45.470.948.611
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(28.694.861.539)	(60.204.169.761)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(44.032.170.961)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.780.515.000	2.661.750.000
	<hr/>	<hr/>
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bộ ghép sợi	8.512.875.000	-
Dự án nâng cấp nhà máy	267.640.000	-
Máy chải thô	-	2.661.750.000
	<hr/>	<hr/>
	8.780.515.000	2.661.750.000
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017						1/1/2017					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:												
Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%	50,00%	10.573.795.991	-	(*)	-	50,00%	50,00%	10.396.914.986	-	(*)
Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	-	-	(*)	900.000	20,00%	20,00%	-	-	(*)
				<hr/>			<hr/>					
				10.573.795.991	-	(*)				10.396.914.986	-	(*)
				<hr/>			<hr/>			<hr/>		

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2017			1/1/2017								
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác												
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	-	18,29%		3.150.000.000	-	(*)	-	18,29%		3.150.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phong Việt	100.000	10,00%		1.000.000.000	-	(*)	100.000	10,00%		1.000.000.000	-	(*)
				<u>7.750.000.000</u>	-	(*)				<u>7.750.000.000</u>	-	(*)
				<u>18.323.795.991</u>	-	(*)				<u>18.146.914.986</u>	-	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hay Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết và công ty liên doanh như sau:

	Tổng tài sản tại ngày 31/12/2017 VND	Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2017 VND	Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 VND	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế 2017 VND
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	78.137.732.961	56.990.140.979	21.147.591.982	1.729.652.879
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	19.123.127.704	31.020.430.007	(11.897.302.303)	91.825.123.197
	Tổng tài sản tại ngày 1/1/2017 VND	Tổng nợ phải trả tại ngày 1/1/2017 VND	Vốn chủ sở hữu tại ngày 1/1/2017 VND	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế 2016 VND
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	80.736.286.435	59.942.456.462	20.793.829.973	3.676.076.046
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	25.960.734.950	129.681.060.450	(103.720.325.500)	(4.931.158.909)

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	10.396.914.986	9.908.920.552
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	864.826.440	1.642.994.434
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(687.945.435)	(155.000.000)
Cổ tức đã nhận	-	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm	10.573.795.991	10.396.914.986

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí bảo trì VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.723.769.885	3.726.048.885	1.335.183.695	14.785.002.465
Tăng trong năm	6.566.092.358	14.338.144.047	2.324.033.583	23.228.269.988
Phân bổ trong năm	(7.130.115.364)	(3.998.480.559)	(1.996.205.277)	(13.124.801.200)
Số dư cuối năm	9.159.746.879	14.065.712.373	1.663.012.001	24.888.471.253

14. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	26.273.688.329	11.028.607.670
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	9.048.337.620	7.610.561.064
Tunica Fareast Ltd	-	6.311.379.722
Nantong Yiyi Interlining Co., Ltd.	-	6.622.603.896
Các nhà cung cấp khác	57.223.182.260	106.759.066.402
	92.545.208.209	138.332.218.754

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	92.545.208.209	138.332.218.754

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	26.273.688.329	11.028.607.670
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	9.048.337.620	7.610.561.064

Khoản phải trả thương mại cho công ty liên doanh và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số được khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.802.075.676	79.520.872.411	(68.029.374.062)	(9.460.801.126)	4.832.772.899
Thuế xuất nhập khẩu	-	607.781.750	(607.781.750)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.492.939.432	22.584.058.365	(22.752.246.539)	493.630.528	4.818.381.786
Thuế thu nhập cá nhân	382.217.028	3.139.765.348	(3.468.170.648)	-	53.811.728
Thuế tài nguyên	17.501.200	162.076.200	(165.794.800)	-	13.782.600
Tiền thuế đất	-	13.719.763.418	(12.849.789.877)	-	869.973.541
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	7.694.733.336	119.737.317.492	(107.876.157.676)	(8.967.170.598)	10.588.722.554

16. Chi phí phải trả

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	186.571.949	-
Chi phí vận chuyển	-	9.756.763.184
Chi phí khác	1.546.572.148	1.466.120.493
	1.733.144.097	11.222.883.677

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Phải trả khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí cộng đoàn	833.276.551	1.192.456.254
Cổ tức phải trả	174.030.000	57.521.363.700
Tiền đặt cọc	440.000.000	-
Bảo hiểm xã hội	-	186.738.528
Các khoản phải trả khác	2.528.384.187	2.447.276.789
	<hr/>	<hr/>
	3.975.690.738	61.347.835.271

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm			31/12/2017 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	
Vay ngắn hạn	651.966.921.393	1.715.456.317.588	(1.814.420.098.210)	(285.084.216)	552.718.056.555
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(b))	41.154.806.199	72.002.923.543	(82.707.223.144)	(114.970.181)	30.335.536.417
	693.121.727.592	1.787.459.241.131	(1.897.127.321.354)	(400.054.397)	583.053.592.972

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)				
Khoản vay 1	VND	4,8% - 5,0%	278.912.931.354	223.470.445.125
Khoản vay 2	USD	2,0% - 2,2%	26.072.636.682	58.158.001.096
Khoản vay 3	USD	2,2%	23.810.928.191	62.971.080.906
Khoản vay 4	USD	2,1%	17.051.250.000	39.508.744.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)				
Khoản vay 5	VND	4,8% - 5,5%	-	52.958.949.472
Khoản vay 6	USD	2,0%	-	23.241.481.979
Ngân hàng ANZ (iii)				
Khoản vay 7	USD	2,2%	19.972.419.224	9.167.264.738
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (iv)				
Khoản vay 8	USD	4,5% - 4,7%	-	36.284.997.580
Khoản vay 9	USD	1,9% - 2,3%	7.741.879.072	10.876.612.051
Khoản vay 10	VND	4,5%	11.271.905.918	9.348.594.968
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng				
Khoản vay 11	USD	2,0% - 2,3%	-	37.629.883.756
Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (iv)				
Khoản vay 12	USD	2,0%	54.213.778.464	4.602.196.419
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)				
Khoản vay 13	VND	4,6% - 5,0%	29.202.540.944	74.626.569.560
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh (iv)				
Khoản vay 14	USD	2,0%	26.494.686.950	9.122.099.743
Ngân hàng ChinaTrust Commercial Bank – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iv)				
Khoản vay 15	VND	4,8%	45.422.932.559	-
Ngân hàng Standard Chartered (iv)				
Khoản vay 16	VND	4,8%	10.503.176.684	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (iv)				
Khoản vay 17	VND	4,8%	2.046.990.513	-
			552.718.056.555	651.966.921.393

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 179.690 triệu VND (1/1/2017: 204.732 triệu VND) (Thuyết minh 8).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.482 triệu VND (1/1/2017: 20.430 triệu VND) (Thuyết minh 8).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bởi hàng tồn kho có giá trị còn lại là 22.700 triệu VND (1/1/2017: 90.500 triệu VND) (Thuyết minh 7).
- (iv) Các khoản vay ngân hàng này không được đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	134.880.192.816	219.170.924.621
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18(a))	(30.335.536.417)	(41.154.806.199)
	104.544.656.399	178.016.118.422

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017	1/1/2017
				VND	VND
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)</i>					
Khoản vay 1	USD	4,1% - 4,3%	2022	49.575.213.480	78.805.062.410
Khoản vay 2	USD	4,0%	2021	9.799.773.972	14.333.681.847
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)</i>					
Khoản vay 3	USD	4,0 %	2020	66.272.525.000	113.722.100.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)</i>					
Khoản vay 4	VND	10,5%	2020	9.232.680.364	12.310.080.364
				134.880.192.816	219.170.924.621

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 49.382 triệu VND (1/1/2017: 70.227 triệu VND) (Thuyết minh 8).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 150.984 triệu VND (1/1/2017: 171.974 triệu VND) (Thuyết minh 8).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 18.259 triệu VND (1/1/2017: 18.259 triệu VND) (Thuyết minh 8).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.665.039.437	7.177.421.199
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	12.015.665.855	3.770.415.055
Sử dụng quỹ trong năm	(8.905.957.829)	(3.282.796.817)
Giảm khác	(18.898.765)	-
Số dư cuối năm	<u>10.755.848.698</u>	<u>7.665.039.437</u>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	66.203.825.426	219.283.564.218	68.426.803.204	566.976.920.121
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	110.780.777.254	8.018.150.804	118.798.928.058
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.523.614.761	(1.523.614.761)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(3.255.245.399)	(515.169.656)	(3.770.415.055)
Cổ tức	-	-	-	(52.500.000.000)	(4.687.312.500)	(57.187.312.500)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	210.000.000.000	3.062.727.273	67.727.440.187	272.785.481.312	71.242.471.852	624.818.120.624
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	86.966.712.846	3.357.277.400	90.323.990.246
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.769.018.798	(1.769.018.798)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(11.469.937.070)	(545.728.785)	(12.015.665.855)
Cổ tức	-	-	-	-	(230.075.000)	(230.075.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	210.000.000.000	3.062.727.273	69.496.458.985	346.513.238.290	73.823.945.467	702.896.370.015

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vốn cổ phần

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.799.262.800	1.941.772.800
Trong vòng hai đến năm năm	2.417.390.640	1.466.925.600
Sau năm năm	10.050.824.400	10.351.597.200
	<hr/>	<hr/>
	15.267.477.840	13.760.295.600

(b) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	100.455	2.275.144.719	199.254	4.521.356.307
		<hr/>		<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.836.903.268.098	1.751.661.980.530
▪ Bán hàng hóa	603.544.114.043	458.266.322.130
▪ Cung cấp dịch vụ	49.238.719.064	143.270.824.675
▪ Bán phế liệu	26.434.574.973	21.799.408.800
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	17.859.983.452	14.752.281.930
▪ Chuyển nhượng dự án bất động sản	-	104.725.656.870
	<hr/> 2.533.980.659.630	<hr/> 2.494.476.474.935
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.511.284.242)	(2.389.671.300)
▪ Chiết khấu thương mại	(1.120.505.175)	(486.641.190)
▪ Giảm giá hàng bán	(826.981.944)	-
	<hr/> (3.458.771.361)	<hr/> (2.876.312.490)
Doanh thu thuần	<hr/> 2.530.521.888.269	<hr/> 2.491.600.162.445

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2017 VND	2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	1.582.388.063.711	1.478.451.159.896
▪ Hàng hoá đã bán	597.669.532.051	446.995.486.220
▪ Dịch vụ đã cung ứng	41.893.305.095	125.165.254.660
▪ Phế liệu đã bán	25.176.497.002	20.719.732.454
▪ Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê	5.324.556.125	4.939.862.050
▪ Giá vốn dự án bất động sản	-	79.725.656.870
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	243.446.391	1.782.969.809
	<hr/> 2.252.695.400.375	<hr/> 2.157.780.121.959

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.396.928.075	7.023.773.327
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	1.504.382.731	2.070.415.110
Lãi tiền gửi	4.980.486.163	1.366.494.734
Thu nhập từ cổ tức	678.000.000	1.758.000.000
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	5.500.000.000
	<hr/> 11.559.796.969	<hr/> 17.718.683.171 <hr/>

27. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	30.101.247.264	28.986.122.524
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.069.176.843	10.891.147.168
	<hr/> 32.170.424.107	<hr/> 39.877.269.692 <hr/>

28. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí vận chuyển	21.469.061.270	25.335.475.130
Hoa hồng	14.247.021.493	7.926.597.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.430.907.778	9.273.289.810
Chi phí nhân viên	5.869.350.175	5.126.578.599
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	-	7.431.262.110
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.253.346.417	1.176.617.869
Chi phí công cụ và dụng cụ	927.007.576	741.713.398
Chi phí bán hàng khác	6.050.231.956	747.632.928
	<hr/> 52.246.926.665	<hr/> 57.759.166.989 <hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	48.464.057.738	53.877.517.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.274.180.707	25.539.810.941
Chi phí thuế, phí và lệ phí	13.975.497.164	7.958.780.867
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.548.703.058	3.941.959.259
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.999.951.603	2.056.534.174
Dự phòng phải thu khó đòi	(197.899.673)	471.567.430
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	18.229.481.002	17.803.529.395
	<hr/> 100.293.971.599	<hr/> 111.649.699.260 <hr/>

30. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	2.119.300.000	7.369.492.779
Thu nhập khác	6.006.987.788	2.832.702.632
	<hr/> 8.126.287.788	<hr/> 10.202.195.411 <hr/>

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.639.754.250.894	1.472.761.153.213
Chi phí nhân công	314.253.437.120	326.353.458.049
Chi phí khấu hao	115.207.486.109	114.353.202.298
Chi phí khác	245.593.081.095	362.300.422.588
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	22.584.058.365	29.749.462.210
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.032.038.470
	22.584.058.365	30.781.500.680
Chi phí thuế thu nhập	22.584.058.365	30.781.500.680

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	112.908.048.611	149.580.428.738
	112.908.048.611	149.580.428.738
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22.581.609.722	29.916.085.748
Ưu đãi thuế	(239.000.000)	(320.600.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	412.424.844	803.175.349
Thu nhập không bị tính thuế	(170.976.201)	(649.198.887)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.032.038.470
	22.584.058.365	30.781.500.680

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	86.966.712.846	110.780.777.254
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (ngân sách)	(8.696.671.285)	(3.255.245.399)
	78.270.041.561	107.525.531.855

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016
Số cổ phiếu đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	21.000.000	21.000.000
	21.000.000	21.000.000

34. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2017	2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	866.007.500	-
	866.007.500	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
<i>Công ty liên doanh và liên kết</i>		
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I		
Doanh thu gia công	-	4.126.524.329
Thu nhập cho thuê	1.005.120.000	1.005.120.000
Bán thành phẩm	4.300.229.668	-
Thu nhập khác	3.074.902.433	3.122.308.925
Thu nhập lãi cho vay	334.196.767	178.910.389
Mua hàng hóa	-	23.230.000
Phí dịch vụ khác	316.459.540	-
Hàng hóa giữ hộ	441.320.013	60.079.524
Cho vay	12.250.000.000	10.200.000.000
Phân phối cổ tức	520.875.000	-
Thu nhập cổ tức	-	1.868.125.000
Nhận cổ tức	-	1.000.000.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú		
Bán thành phẩm và hàng hóa	219.657.376.467	140.532.242.201
Bán hơi	6.358.115.598	6.455.288.430
Thu nhập cho thuê	5.574.054.544	5.060.045.456
Thu nhập khác	4.158.926.917	2.805.700.997
Mua hàng hóa	689.015.136.991	533.301.064.611
Thu nhập cổ tức	63.168.416	1.080.000.000
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán thành phẩm	70.427.118.782	46.196.595.599
Mua hàng hóa	25.191.774.843	4.291.439.817
Phí gia công	-	1.422.020.625
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán thành phẩm	17.697.711.520	7.987.075.859
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán thành phẩm	3.382.619.470	2.871.079.823
Doanh thu gia công	20.300.350	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng		
Bán thành phẩm	150.345.418	2.570.719.259
Bán tài sản cố định	-	667.742.000
Mua dịch vụ gia công	-	21.886.115.504
Phân phối cổ tức	378.000.000	378.000.000
Cho mượn hàng	-	45.678.323
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Phân phối cổ tức	24.637.500.000	268.181.818
Phí chuyên môn	409.000.000	52.363.636
Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam		
Bán thành phẩm	-	1.786.447.000
Mua hàng hóa	-	2.177.904.168
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý		
Lương và thưởng	6.842.560.586	7.161.776.157

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc